TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **200**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2024.
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số H, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Tấn T**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số H, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Tấn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không chịu chăm lo cho cuộc sống gia đình,

không chịu lo kinh tế, không quan tâm đến con cái, thường xuyên không về nhà, nhiều lần chủ nợ đến nhà tìm, hơn nữa ông T còn là một người có tính bạo lực gia đình và đập phá tài sản trong nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Tấn T.

- Về con chung: Bà H xác định có 02 con chung, cháu Trần Tấn N, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Trần Nguyên K, sinh ngày 01/06/2005. Hiện nay cháu N và cháu K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

*** Bị đơn ông Trần Tấn T được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Toà án.**

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn bà Trần Thị Hồng H, cho bà Trần Thị Hồng H được ly hôn với ông Trần Tấn T; Về con chung: Các cháu Trần Tấn N, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Trần Nguyên K, sinh ngày 01/06/2005 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà Trần Thị Hồng H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Trần Tấn T. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Trần Thị Hồng H là nguyên đơn, ông Trần Tấn T là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Biên bản xác minh ngày 03/5/2024 của Công an phường T, ông Trần Tấn T hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Trần Tấn T nhưng ông T không đến Toà làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, phiên toà xét xử, bà Trần Thị Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà H, ông T.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng H, HĐXX xét thấy: Bà Trần Thị Hồng H và ông Trần Tấn T tự nguyện kết hôn vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2001 ngày 21/02/2001. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo bà H trình bày có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không chịu chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chịu lo kinh tế, không quan tâm đến con cái, thường xuyên không về nhà, nhiều lần chủ nợ đến nhà tìm, hơn nữa ông T còn là một người có tính bạo lực gia đình và đập phá tài sản trong nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định nhưng ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy ông T đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với bà H. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với ông T nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Trần Thị Hồng H được ly hôn với ông Trần Tấn T.

[6] Về con chung: Bà H, ông T có 02 con chung, cháu Trần Tấn N, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Trần Nguyên K, sinh ngày 01/06/2005. Hiện nay cháu N và cháu K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Tấn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng H, cho bà Trần Thị Hồng H được ly hôn với ông Trần Tấn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung, cháu Trần Tấn N, sinh ngày 15/12/2001 và cháu Trần Nguyên K, sinh ngày 01/06/2005. Hiện nay cháu N và cháu K đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thị Hồng H phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai số 0002762 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Trần Thị Hồng H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Tấn T không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hồng H, ông Trần Tấn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh